TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2023
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 549/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc xin lý hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn M, Sinh năm: 1985 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số B, ấp A, xã T, thành phố C , tỉnh C.

-*Bị đơn*: Bà Trần Ngọc L, Sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa xác định:

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn M và bà Trần Ngọc L sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/01/2008. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cả hai không còn sống chung với nhau khoản 15 năm hiện cả hai đều có gia đình riêng nên ông Phạm Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Ngọc L.

Về con chung: Ông M xác định không có..

Về tài sản chung: Ông M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông M xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Đối với bà Trần Ngọc L, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết

định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, bà L vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án về các vấn đề ông M yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M đối với bà Trần Ngọc L được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Ngọc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét về yêu cầu của ông Phạm Văn M về việc xin ly hôn với bà Trần Ngọc L, thấy rằng: Hôn nhân của ông, bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn số 05 ngày 08/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống ông M xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn do đã ly thân khoản 15 năm và cả hai đều đã có gia đình riêng nên không thể đoàn tụ vì vậy ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ mà phải được cả hai người cùng có trách nhiệm xây dựng trên tinh thần tự nguyện, thông cảm, sẻ chia với nhau về mọi mặt trong đời sống nhưng hiện nay ông M và bà L đã một thời gian dài không chung sống với nhau, ông M xác định đã không còn tình cảm với bà L. Đối với bà L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến qua đó thể hiện bản thân bà đã bỏ mặc không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà L cũng không thể hàn gắn được nữa. Từ đó chấp yêu cầu khởi kiện cho ông Phạm Văn M về việc ly hôn với bà Trần Ngọc L.

[3] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Ông M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị ông M phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn M về việc xin ly hôn với bà Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Ông M xác định không có nên Hội đồng không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông M xác định không có nên Hội đồng không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông M xác định không có nên Hội đồng không xem xét.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 05/10/2023, ông M đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008355 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Trúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.